|  |  |
| --- | --- |
| UBND THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI  **TRƯỜNG THCS TIẾN THÀNH** |  |
| 1. **HÌNH HỌC**   **Cả năm: 70 tiết**  **Học kì I:** 18 tuần = 32 tiết  **Học kì II:** 17 tuần = 38 tiết | **KẾ HOẠCH GIÁO DỤC MÔN TOÁN LỚP 8**  **NĂM HỌC: 2021 -2022** |

| **Chương** | **Tuần** | **Tiết PPCT** | **Tên bài - chủ đề** | **Yêu cầu cần đạt** | **Thời lượng** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Tích hợp** | **Điều chỉnh** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I- Tứ giác**  **(24 tiết)** | 1 | 1 | §1. Tứ giác | - Kiến thức: Nắm được định nghĩa tứ giác, tứ giác lồi, tổng các góc của tứ giác lồi - Kĩ năng: Biết vẽ, Biết gọi tên các yếu tố, Biết tính số đo các góc của một tứ giác lồi. Biết vận dụng các Kiến thức trong bài vào các tình huống thực tiễn đơn giản. - Thái độ: HS rèn luyện tính cẩn thận, chính xác khi vẽ hình, viết giả thuyết kết luận và chứng minh | 1 | Dạy học trên lớp |  |  |
|  | 1 | 2 | §2. Hình thang | - Kiến thức: Nắm được định nghĩa hình thang, hình thang vuông, các yếu tố của hình thang, biết cách chứng minh một tứ giác là hình thang, là hình thang vuông. - Kĩ năng: Biết vẽ hình thang vuông, biết tính số đo các góc của hình thang, của hình thang vuông. + Biết linh hoạt khi nhận dạng hình thang ở những vị trí khác nhau (hai đáy nằm ngang, hai đáy không nằm ngang) và ở các dạng đặc biệt ( hai cạnh bên song song, hai cạnh đáy bằng nhau). - Thái độ: HS rèn luyện tính cẩn thận, chính xác khi vẽ hình, viết giả thuyết kết luận và chứng minh. | 1 | Dạy học trên lớp |  |  |
|  | 2 | 3 | §3. Hình thang cân. | - Kiến thức: Nắm được định nghĩa, các tính chất, các dấu hiệu nhận biết hình thang cân.  - Kĩ năng: Biết vẽ hình thang cân, biết sử dụng định nghĩa và tính chất cuả hình thang cân. trong tính toán và chứng minh, biết chứng minh một tứ giác là hình thang cân.  - Thái độ: Rèn luyện tính chính xác và cách lập luận chứng minh hình học. | 1 | Dạy học trên lớp |  |  |
|  | 2 | 4 | Luyện tập | - Kiến thức: Luyện tập, củng cố kiến thức về hình thang cân.  - Kĩ năng: Rèn kỹ năng chứng minh, biết vận dụng kiến thức đã học về hình thang cân để suy luận, chứng minh  - Thái độ: HS rèn luyện tính cẩn thận, chính xác khi vẽ hình, viết giả thuyết kết luận và chứng minh. | 1 | Dạy học trên lớp |  |  |
|  | 3 | 5 | §4. Đường trung bình của tam giác, của hình thang. | - Kiến thức: Nắm được định nghĩa và các định lý 1; 2 về đường trung bình của tam giác - Kĩ năng: Biết vận dụng các định lý về đường trung bình của tam giác để tính độ dài, chứng minh hai đoạn thẳng song song, hai đoạn thẳng bằng nhau - Thái độ: Rèn tính cẩn thận khi vẽ hình | 1 | Dạy học trên lớp |  |  |
|  | 3 | 6 | §4. Đường trung bình của tam giác, của hình thang. | - Kiến thức: Nắm được định nghĩa và các định lý 3 và 4 về đường trung bình của hình thang - Kĩ năng: Biết vận dụng các định lý về đường trung bìng của hình thang để tính độ dài chứng minh hai đoạn thẳng bằng nhau, hai đường thẳng song song.  - Thái độ: Rèn tính cẩn thận khi vẽ hình. | 1 | Dạy học trên lớp |  |  |
|  | 4 | 7 | Luyện tập | - Kiến thức: Củng cố kiến thức về đường trung bình của tam giác, của hình thang - Kĩ năng: Biết vận dụng các định lý vào giải các bài toán thực tế - Thái độ: Rèn kỹ năng làm BT nhanh, chính xác | 1 | Dạy học trên lớp |  | *thay cho bài 5 Dựng hình bằng thước và com pa* |
|  | 4 | 8 | §6. Đối xứng trục. | - Kiến thức: Hiểu được định nghĩa hai điểm đối xứng với nhau qua một đường thẳng. Nhận biết được hai đoạn thẳng đối xứng với nhau qua một đường thẳng. Nhận biết được hình thang cân là hình có trục đối xứng - Kĩ năng: Biết vẽ điểm đối xứng với một điểm cho trước, đoạn thẳng đối xứng với một đoạn thẳngcho trước qua một đường thẳng. Biết chứng minh một hai điểm đối xứng nhau qua một đường thẳng + Biết nhận ra một số hình có trục đối xứng qua thực tế. Bắt đầu biết áp dụng tính chất đối xứng trục vào vẽ hình, gấp hình - Thái độ: HS rèn luyện tính cẩn thận, chính xác khi vẽ hình, viết giả thuyết kết luận và chứng minh. | 1 | Dạy học trên lớp |  | Mục 2 và mục 3 không yêu cầu HS giải hoặc chứng minh |
|  | **5** | 9 | Luyện tập | - Kiến thức: Củng cố kiến thức về điểm đối xứng nhau qua một đường thẳng, hình có trục đối xứng.-  - Kĩ năng: Rèn kỹ năng nhận biết hình có trục đối xứng, áp dụng kiến thức để làm BT nhanh chính xác.  - Thái độ: HS rèn luyện tính cẩn thận, chính xác khi vẽ hình, viết giả thuyết kết luận và chứng minh. | 1 | Dạy học trên lớp |  |  |
|  | 5 | 10 | §7. Hình bình hành | - Kiến thức: HS hiểu định nghĩa hình bình hành, các tính chất của hình bình hành, các dấu hiệu nhận biết một tứ giác là hình bình hành  - Kĩ năng: HS biết vẽ một hình bình hành, biết chứnng minh một tứ giác là hình bình hành. - Thái độ: HS rèn luyện tính cẩn thận, chính xác khi vẽ hình, viết giả thuyết kết luận và chứng minh. | 1 | Dạy học trên lớp |  |  |
|  | **6** | 11 | Luyện tập | - Kiến thức: Biết vận dụng các kiến thức của hình bình hành vào làm các bài tập - Kĩ năng: Rèn kỹ năng vận dụng kiến thức để chứng minh  - Thái độ: Rèn tính cẩn thận | 1 | Dạy học trên lớp |  |  |
|  | 6 | 12 | §8. Đối xứng tâm. | - Kiến thức: HS hiểu định nghĩa hai điểm đối xứng nhau qua nhau qua một điểm.  Nhận biết được hai đoạn thẳng đối xứng nhau qua một điểm.  Nhận biết được hình bình hành là hình có tâm đối xứng. - Kĩ năng: HS biết vẽ điểm đối xứng với một điểm cho trước qua một điểm, đoạn thẳng đối xứng với một đoạn thẳng cho trước qua một điểm.  Biết chứng minh hai điểm đối xứng nhau qua một điểm + Biết nhận ra một số hình có tâm đối xứng trong thực tế. - Thái độ: HS rèn luyện tính cẩn thận, chính xác khi vẽ hình, viết giả thuyết kết luận và chứng minh. | 1 | Dạy học trên lớp |  | An toàn giao thông |
|  | **7** | 13 | Luyện tập | Kiến thức: Củng cố hai điểm đối xứng nhau qua một điểm, hình có tâm đối xứng.  - Kĩ năng: Biết vẽ hình, áp dụng kiến thức vào giải bài tập.  - Thái độ: Rèn tính cẩn thận | 1 | Dạy học trên lớp |  |  |
|  | 7 | 14 | §9. Hình chữ nhật. | - Kiến thức: HS hiểu định nghĩa hình chữ nhật, các tính chất của hình chữ nhật, các dấu hiệu nhận Biết một tứ giác là hình chữ nhật.  - Kĩ năng: Biết vẽ một hình chữ nhật, Biết cách chứng minh một tứ giác là hình chữ nhật. Biết vận dụng Kiến thưc về hình chữ nhật vào tam giác.+ Biết vận dụng Kiến thức hình chữ nhật vào tính toán, chứng minh và trong các bài toán thực tế.- - Thái độ: HS rèn luyện tính cẩn thận, chính xác khi vẽ hình, viết giả thuyết kết luận và chứng minh. | 1 | Dạy học trên lớp |  |  |
|  | **8** | 15 | Luyện tập | - Kiến thức: Biết vận dụng kiến thức về hình chữ nhật trong tính toán, chứng minh các bài tập thực tế - Kĩ năng: Rèn kỹ năng áp dụng lý thuyết vào làm BT - Thái độ: Rèn tính cẩn thận | 1 | Dạy học trên lớp |  | **8** |
|  | **8** | 16 | Ôn tập giữa kì | - Kiến thức: Hệ thống hóa các kiến thức về tứ giác đã học trong chương (về định nghĩa, tính chất,dấu hiệu nhận biết). - Kĩ năng: Vận dụng các kiến thức trên để giải các BT dạng tính toán, chứng minh, nhận biết hình, tìm điều kiện của hình. + Thấy được mối quan hệ giữa các tứ giác đã học, góp phần rèn luyện tư duy biện chứng cho HS  - Thái độ: HS rèn luyện tính cẩn thận, chính xác khi vẽ hình, viết giả thuyết kết luận và chứng minh. | 1 | Dạy học trên lớp |  | 20 |
|  | **9** | 17 | ***Kiểm tra giữa kì 1*** | - Về kiến thức: Ôn lại kiến thức đã học trong chương I: Tứ giác, hình thang, hình bình hành, hình chữ nhật, hình thoi, hình vuơng…  - Về kĩ năng: Rèn cho HS tính cẩn thận khi tính vẽ hình…  Rèn tư duy cho HS Đánh giá, kiểm tra chất lượng dạy và học. Nắm được năng lực của từng học sinh. - Về thái độ - Rèn tính trung thực cho HS | 1 | Kiểm tra trên lớp |  |  |
|  | 9 | 18 | Trả bài giữa kì 1 | - Về kiến thức: Kiểm tra kiến thức đã học trong chương I: Tứ giác, hình thang, hình bình hành, hình chữ nhật, hình thoi, hình vuơng…  - Về kĩ năng: Rèn cho HS tính cẩn thận khi tính vẽ hình…  Rèn tư duy cho HS - Về thái độ - Rèn tính trung thực cho HS | 1 | Trả bài trên lớp |  |  |
|  | 10 | 19 | §10. Đường thẳng song song với một đường thẳng cho trước. | - Kiến thức: Nhận biết được khái niệm khoảng cách giữa hai đường thẳng song song, định lý về các đường thẳng song song cách đều, tính chất của các điểm cách đường cho trước một khoảng cho trước - Kĩ năng: Biết vận dụng định lý về đường thẳng song song cách đều để chứng minh các đoạn thẳng bằng nhau. Biết cách chứng tỏ một điểm nằm trên một đường thẳng song song với một đọan thẳng cho trước. + Vận dụng các kiến thức đã học vào giải toán ứng dụng trong thực tế. - Thái độ: HS rèn luyện tính cẩn thận, chính xác khi vẽ hình, viết giả thuyết kết luận và chứng minh.E18 | 1 | Dạy học trên lớp |  |  |
|  | 10 | 20 | Luyện tập | - Kiến thức: Củng cố kiến thức về khoảng cách giữa hai đường thẳng song song , định lý về các đường thẳng song song cách đều  - Kĩ năng: Biết vận dụng các kiến thức về đường thẳng song song cách đều để giải BT, ứng dụng trong thực tế.  - Thái độ: HS rèn luyện tính cẩn thận, chính xác khi vẽ hình, viết giả thuyết kết luận và chứng minh. | 1 | Dạy học trên lớp |  |  |
|  | 11 | 21 | §11. Hình thoi | - Kiến thức: Hiểu định nghĩa hình thoi, các tính chất của hình thoi, các dấu hiệu nhận biết một tứ giác là hình thoi  .- Kĩ năng: Biết vẽ hình thoi, biết cách chứng minh một tứ giác là hình thoi+ Biết vận dụng các kiến thức về hình thoi trong tính toán trong chứng minh và trong các bài toán thực tế  - Thái độ: HS rèn luyện tính cẩn thận, chính xác khi vẽ hình, viết giả thuyết kết luận và chứng minh. | 1 | Dạy học trên lớp |  |  |
|  | 11 | 22 | §12. Hình vuông. | - Kiến thức: Hiểu định nghĩa hình vuông, thấy được hình vuông là dạng đặc biệt của hình chữ nhật và hình thoi. - Kĩ năng: Biết vẽ một hình vuông, biết chứng minh một tứ giác là hình vuông + Biết vận dụng các kiến thức về hình vuông trong các bài toán chứng minh, tính toán trong các bài toán thực tế. - Thái độ: HS rèn luyện tính cẩn thận, chính xác khi vẽ hình, viết giả thuyết kết luận và chứng minh. | 1 | Dạy học trên lớp |  |  |
|  | 12 | 23 | Luyện tập | - Kiến thức: Củng cố kiến thức về hình thoi, hình vuông. - Kĩ năng: HS biết sử dụng các kiến thức về hình thoi và hình vuông để làm bài tập. - Thái độ: Rèn tính cẩn thận, chính xác. | 1 | Dạy học trên lớp |  |  |
|  | 12 | 24 | §1. Đa giác – Đa giác đều. | - Kiến thức: HS nắm được khái niệm đa giác lồi, đa giác đều  - Kĩ năng: HS biết cách tính tổng số đo các góc của một đa giác  + Vẽ được và nhận biết được một số đa giác lồi, một số đa giác đều  + HS biết sử dụng phép tương tự để xây dựng khái niệm đa giác lồi, đa giác đều từ những khái niệm tương ứng đã biết về tứ giác  + Qua hình vẽ và quan sát hình vẽ, HS biết cách quy nạp để xây dựng công thức tính tổng số đo các góc của một đa giác  .- Thái độ: Kiên trì trong suy luận. Cẩn thận chính xác trong vẽ hình. | 1 | Dạy học trên lớp |  |  |
| **II. Đa  giác Diện  tích đa  giác**  **(12 tiết)** | 13 | 25 | Luyện tập | - Kiến thức: HS nắm vững công thức diện tích hình chữ nhật , hình vuông , tam giác vuông.  + HS hiểu rằng để chứng minh các công thức đó cần vận dụng các tính chất của diện tích đa giác - Kĩ năng: HS vận dụng được các công thức đã học và các tính chất của diện tích trong giải toán - Thái độ: HS rèn luyện tính cẩn thận, chính xác khi vẽ hình, viết giả thuyết kết luận và chứng minh. | 1 | Dạy học trên lớp |  |  |
|  | 13 | 26 | §2. Diện tích hình chữ nhật. | - Kiến thức: HS nắm vững công thức diện tích hình chữ nhật , hình vuông , tam giác vuông.  + HS hiểu rằng để chứng minh các công thức đó cần vận dụng các tính chất của diện tích đa giác - Kĩ năng: HS vận dụng được các công thức đã học và các tính chất của diện tích trong giải toán - Thái độ: HS rèn luyện tính cẩn thận, chính xác khi vẽ hình, viết giả thuyết kết luận và chứng minh. | 1 | Dạy học trên lớp |  |  |
|  | 14 | 27 | Luyện tập | - Kiến thức: Củng cố công thức tính hình chữ nhật, hình vuông, hình tam giác vuông. - Kĩ năng: Vận dụng được các công thức đã học và các tính chất trong giải toán. - Thái độ: Rèn HS tính cẩn thận, chính xác. | 1 | Dạy học trên lớp |  |  |
|  | 14 | 28 | §3. Diện tích tam giác | - Kiến thức: HS nắm vững công thức tính diện tích tam giác  - Kĩ năng: HS biết chứng minh định lý về diện tích tam giác 1 cách chặt chẽ gồm ba trường hợp và biết trình bày gọn ghẽ chứng minh đó.  + HS vận dụng được công thức tính diện tích tam giác trong giải toán.  + HS vẽ được hình chữ nhật hoặc hình tam giác có diện tích bằng diện tích của một tam giác ho trước  - Thái độ: HS rèn luyện tính cẩn thận, chính xác khi vẽ hình, viết giả thuyết kết luận và chứng minh. | 1 | Dạy học trên lớp |  |  |
|  | 15 | 29 | Ôn tập học kỳ I | - Kiến thức: Củng cố các kiến thức đã học ở học kỳ I - Kĩ năng: Rèn kỹ năng chứng minh, nhận biết hình, tính diện tích của các hình đã học - Thái độ: Rèn tư duy suy luận cho HS | 1 | Dạy học trên lớp |  |  |
|  | 16 | 30 | Ôn tập học kỳ I | - Kiến thức: Củng cố các kiến thức đã học ở học kỳ I - Kĩ năng: Rèn kỹ năng chứng minh, nhận biết hình, tính diện tích của các hình đã học - Thái độ: Rèn tư duy suy luận cho HS | 1 | Dạy học trên lớp |  |  |
|  | 17 | 31 | Ôn tập học kỳ I | - Kiến thức: Củng cố các kiến thức đã học ở học kỳ I - Kĩ năng: Rèn kỹ năng chứng minh, nhận biết hình, tính diện tích của các hình đã học - Thái độ: Rèn tư duy suy luận cho HS | 1 | Dạy học trên lớp |  |  |
|  | 18 | 32 | Thi học kỳ I: 90 phút (gồm cả Đại số và Hình học) |  | 1 | Kiểm tra trên lớp |  |  |
|  | 19 | 33 | §4. Diện tích hình thang. | - Kiến thức: Học sinh nắm được công thức tính diện tích hình thang , hình bình hành. - Kĩ năng: HS tính được diện tích hình thang, diện tích hình bình hành theo công thức đã học. + HS vẽ được hình bình hành hay hình chữ nhật có diện tích bằng diện tích của một hình bình hành cho trước - Thái độ: HS rèn luyện tính cẩn thận, chính xác khi vẽ hình, viết giả thuyết kết luận và chứng minh. | 1 | Dạy học trên lớp |  |  |
|  | 19 | 34 | §5. Diện tích hình thoi. | - Kiến thức: HS nắm được công thức tính diện tích hình thoi + HS biết được hai cách tính diện tích hình thoi, biết cách tính diện tích của tứ giác có hai đường chéo vuông góc. - Kĩ năng: HS vẽ được hình thoi một cách chính xác + HS phát hiện và chứng minh được về định lý về diện tích hình thoi - Thái độ: HS được rèn luyện tính cẩn thận, chính xác trong giải toán. | 1 | Dạy học trên lớp |  |  |
|  | 20 | 35 | Luyện tập | -Kiến thức: Luyện tập về cách tính diện tích hình thoi, hình vuông  - Kĩ năng: Rèn kỹ năng áp dụng công thức vào BT- -Thái độ: Rèn tính cẩn thận của HS | 1 | Dạy học trên lớp |  |  |
|  | 20 | 36 | §6. Diện tích đa giác. | -Kiến thức: Nắm vững công thức tính diện tích các đa giác đơn giản , đặc biệt là các cách tính diện tích tam giác và hình thang. + Biết chia một cách hợp lý đa giác cần tìm diện tích thành những đa giác đơn giản mà có thể tính được diện tích - Kĩ năng: Biết thực hiện các phép vẽ và phép đo cần thiết. - Thái độ: Rèn tính cẩn thận chính xác | 1 | Dạy học trên lớp |  |  |
| **III. Tam  giác đồng dạng**  **(18 tiết)** | 21 | 37 | §1. Định lý Talet trong tam giác. | -Kiến thức: HS nắm vững về định nghĩa về tỉ số của hai đoạn thẳng  + HS nắm vững định nghĩa đoạn thẳng tỉ lệ - Kĩ năng: HS cần nắm vững nội dung của định lý TA lét thuận, vận dụng định lý vào việc tìm ra các tỉ số bằng nhau trên hình vẽ,  - Thái độ: HS được rèn luyện tính cẩn thận, chính xác trong giải toán. | 1 | Dạy học trên lớp |  |  |
|  | 21 | 38 | §2. Định lý đảo và hệ quả của định lý Talet | - Kiến thức: HS nắm vững nội dung định lý đảo của định lý Talét - Kĩ năng: Vận dụng định lý để xác định các cặp đường thẳng song song trong hình vẽ với số liệu đã cho. + Hiểu được cách chứng minh hệ quả của định lý Talét, đặc biệt là phải nắm được các trường hợp có thể xảy ra khi vẽ đường thẳng B’C’song song với cạnh BC. Qua mỗi hình vẽ HS viết được tỉ lệ thức hoặc dãy tỉ số bằng nhau. - Thái độ: HS được rèn luyện tính cẩn thận, chính xác trong giải toán. | 1 | Dạy học trên lớp |  |  |
|  | 22 | 39 | Luyện tập | -Kiến thức: Củng cố về định lý đảo và hệ quả của định lý Talét. - Kĩ năng: Biết vận dụng định lý để làm bài tập. Rèn kỹ năng suy luận và chứng minh. - Thái độ: HS được rèn luyện tính cẩn thận, chính xác trong giải toán. | 1 | Dạy học trên lớp |  |  |
|  | 22 | 40 | §3. Tính chất đường phân giác trong tam giác. | -Kiến thức: HS nắm vững nội dung định lý về tính chất đường phân giác, hiểu được cách chứng minh trường hợp AD là tia phân giác của góc A.  - Kĩ năng: Vận dụng định lý giải được các bài tập trong SGK.  -Thái độ: HS được rèn luyện tính cẩn thận, chính xác trong giải toán. | 1 | Dạy học trên lớp |  |  |
|  | 23 | 41 | Luyện tập | - Kiến thức: HS biết vận dụng định lý tính chất đường phân giác trong tam giác vào giải bài tập. - Kĩ năng: Rèn kỹ năng giải BT(tính độ dài các đoạn thẳng và chứng minh hình học). - Thái độ: HS được rèn luyện tính cẩn thận, chính xác trong giải toán. | 1 | Dạy học trên lớp |  |  |
|  | 23 | 42 | §4. Khái niệm hai tam giác đồng dạng. | -Kiến thức: HS nắm vững định nghĩa về tam giác đồng dạng, về tỉ số đồng dạng. - KĨ năng: Hiểu được các bước chứng minh định lý trong tiết học. - Thái độ: HS được rèn luyện tính cẩn thận, chính xác trong giải toán. | 1 | Dạy học trên lớp |  |  |
|  | 24 | 43 | §5. Trường hợp đồng dạng thứ nhất | - Kiến thức: HS nắm chắc nội dung định lý, hiểu được cách chứng minh định lý gồm hai bước cơ bản: +Dựng tam giác AMN đồng dạng với tam giác ABC. +Chứng minh  -Kĩ năng: Vận dụng định lý để nhận biết các căïp tam giác đồng dạng và trong tính toán. - Thái độ: HS được rèn luyện tính cẩn thận, chính xác trong giải toán. | 1 | Dạy học trên lớp |  |  |
|  | 24 | 44 | Luyện tập | -Kiến thức: Củng cố, khắc sâu cho HS khái niệm tam giác đồng dạng và trường hợp thứ nhất của hai tam giác đồng dạng. -Kỹ năng: Rèn kỹ năng chứng minh hai tam giác đồng dạng và dựng tam giác đồng dạng với tam giác cho trước theo tỉ số đồng dạng cho trước -Thái độ: Rèn tính cẩn thận, chính xác | 1 | Dạy học trên lớp |  |  |
|  | 25 | 45 | §6. Trường hợp đồng dạng thứ hai | -Kiến thức: HS nắm chắc nội dung định lý (GT và KL), hiểu được cách chứng minh gồm 2 bước chính.  - Kĩ năng: Vận dụng định lý để nhận biết được các cặp tam giác đồng dạng, làm các BT tính độ dài và các BT chứng minh.  - Thái độ: HS được rèn luyện tính cẩn thận, chính xác trong giải toán. | 1 | Dạy học trên lớp |  |  |
|  | 25 | 46 | Luyện tập | -Kiến thức: Học sinh nắm chắc nội dung định lý 1 và 2 (GT và KL) ; hiểu được cách chứng minh định lý gồm hai bước cơ bản.  - Kỹ năng:Vận dụng định lý để nhận biết các cặp tam giác đồng dạng và trong tính toán - Thái độ:Giáo dục ý thức học tập của HS. | 1 | Dạy học trên lớp |  |  |
|  | 26 | 47 | Ôn tập giữa kì 2 | - Kiến thức: Hệ thống hoá các kiến thức của chương III. - Kĩ năng: Vận dụng các kiến thức đã học vào bài tập dạng tính toán, chứng minh. - Thái độ: Rèn luyện tư duy cho HS. | 1 | Dạy học trên lớp |  |  |
|  | 26 | 48 | Ôn tập giữa kì 2 | -Kiến thức: Hệ thống hoá các kiến thức của chương III. - Kĩ năng: Vận dụng các kiến thức đã học vào bài tập dạng tính toán, chứng minh. - Thái độ: Rèn luyện tư duy cho HS. | 1 | Dạy học trên lớp |  | Ôn tập giữa kì 2 |
|  | 27 | 49 | ***Kiểm tra giữa kì 2*** | -  Kiến thức: Củng cố kiến thức của chương. - Kĩ năng: HS biết vận dụng kiến thức đã học để làm bài kiểm tra. - Thái độ: Rèn tính cẩn thận. | 1 | Kiểm tra trên lớp |  |  |
|  | 27 | 50 | Trả bài giữa kì 2 | -Kiến thức: Sửa kiến thức của chương. - Kĩ năng: HS biết sửa lỗi sai. - Thái độ: Rèn tính cẩn thận. | 1 | Sửa bài trên lớp |  |  |
|  | 28 | 51 | §7. Trường hợp đồng dạng thứ ba. | - Kiến thức: Nắm vững nội dung định lý, biết cách chứng minh định lý. - Kĩ năng: HS vận dụng được dịnh lý để nhận biết tam giác đồng dạng với nhau, biết sắp xếp các đỉnh tương ứng của hai tam giác đồng dạng, lập ra các tỉ số thích hợp để từ đó tính ra được độ dài các đọan thẳng trong bài tập. - Thái độ: HS được rèn luyện tính cẩn thận, chính xác trong giải toán. | 1 | Dạy học trên lớp |  | *Mục 2 và ? phần c và d* |
|  | 28 | 52 | Luyện tập | -Kiến thức: Củng cố các định lý về ba trường hợp dồng dạng của hai tam giác. - Kĩ năng: Vận dụng các định lý đó để chứng minh các tam giác đồng dạng để tính các đoạn thẳng hoặc chứng minh các tỉ lệ thức, đẳng thức trong các bài tập. - Thái độ: HS được rèn luyện tính cẩn thận, chính xác trong giải toán. | 1 | Dạy học trên lớp |  |  |
|  | 29 | 53 | §9. Ứng dụng thực tế của tam giác đồng dạng. | -Kiến thức: HS nắm chắc nội dung hai bài toán thực hành(đo chiều cao trực tiếp của vật, đo khoảng cách giữa hai địa điểm trong đó có 1 điểm không thể đến được). - Kĩ năng: HS nắm chắc các bước tiến hành đo đạc và tính toán trong từng trường hợp, chuẩn bị cho các tiết thực hành tiếp theo. - Thái độ: HS được rèn luyện tính cẩn thận, chính xác trong giải toán. | 1 | Dạy học trên lớp |  |  |
|  | 29 | 54 | Thực hành đo chiều cao của vật, đo khoảng cách | -Kiến thức: HS biết cách đo gián tiếp chiếu cao của một vật và đo khoảng cách giữa hai điểm trên mặt đất , trong đó có một điểm không thể đến được. - Kĩ năng: Rèn luyện kỹ năng sử dụng thước ngắm để xác định diểm nằm trên đdường thẳng , sử dụng giác kế đo góc trên mặt đất, đo độ dài đoạn thẳng trên mặt đất. + Biết áp dụng kiến thức về tam giác đồng dạng để giải quyết hai bài toán. - Thái độ: Rèn luyện ý thức làm việc có phân công , có tổ chức , ý thức kỷ luật trong tập thể. | 1 | Thực hành ngoài trời |  |  |
|  | 30 | 55 | §1. Hình hộp chữ nhật. | -Kiến thức: HS nắm được (trực quan) các yếu tố của hình hộp chữ nhật. Làm quen với các khái niệm điểm, đường thẳng, đoạn trong không gian, cách ký hiệu.  - Kĩ năng: Biết xác định số mặt,số đỉnh, số cạnh của một hình hộp chữ nhật, ôn lại khái niệm chiều cao của một hình hộp chữ nhật.  - Thái độ: HS được rèn luyện tính cẩn thận, chính xác trong chứng minh toán | 1 | Dạy học trên lớp |  |  |
|  | 30 | 56 | §2. Hình hộp chữ nhật (tiếp theo). | -Kiến thức: Nhận biết (qua mô hình) khái niệmvề hai đường thẳng song song. Hiểu được các vị trí tương đối của hai đường thẳng trong không gian. - Kĩ năng: Bằng hình ảnh cụ thể, HS bước đầu nắm được dấu hiệu đường thẳng song song với mặt phẳng và hai mặt phẳng song song. + HS nhận xét được trong thực tế hai đường thẳng song song, đường song song với mặt phẳng, hai mặt phẳng song song. + HS nhớ lại và áp dụng được công thức tính diện tích trong hình hộp chữ nhật. - Thái độ: HS được rèn luyện tính cẩn thận, chính xác trong chứng minh toán. | 1 | Dạy học trên lớp |  |  |
|  | 31 | 57 | §3. Thể tích hình hộp chữ nhật. | -Kiến thức: Bằng hình ảnh cụ thể cho HS bước đầu nắm được dấu hiệu đường thẳng vuông góc với mặt phẳng, hai mặt phẳng vuông góc với nhau. + Nắm được công thức tính thể tích hình hộp chữ nhật. - Kĩ năng: Biết vận dụng công thức vào tính toán. - Thái độ: HS được rèn luyện tính cẩn thận, chính xác trong chứng minh toán. | 1 | Dạy học trên lớp |  |  |
|  | 31 | 58 | §4. Hình lăng trụ đứng. | -Kiến thức: Nắm được các yếu tố của hình lăng trụ đứng(đỉnh, cạnh, mặt đáy , chiều cao , mặt bên). - Kĩ năng: Biết gọi tên hình lăng trụ đứng theo đa giác đáy. + Biết cách vẽ hình lăng trụ đứng theo ba bước(vẽ đáy, mặt bên, vẽ đáy thứ hai) + Củng cố khái niệm song song. - Thái độ: HS được rèn luyện tính cẩn thận, chính xác trong chứng minh toán. | 1 | Dạy học trên lớp |  |  |
|  | 32 | 59 | §5. Diện tích xung quanh của hình trụ đứng. | -Kiến thức: Nắm được cách tính diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng. Củng cố các khái niệm đã học ở tiết trước  - Kĩ năng: Biết áp dụng công thức vào việc tính toán với các hình cụ thể  - Thái độ: HS được rèn luyện tính cẩn thận, chính xác trong chứng minh toán. | 1 | Dạy học trên lớp |  |  |
|  | 32 | 60 | §6. Thể tích hình lăng trụ đứng. | -Kiến thức: HS nắm được công thức tính thể tích hình lăng trụ đứng. - Kĩ năng: Biết vận dụng công thức vào tính toán. - Thái độ: HS được rèn luyện tính cẩn thận, chính xác trong chứng minh toán. | 1 | Dạy học trên lớp |  |  |
|  | 32 | 61 | §7. Hình chóp đều và hình chóp cụt đều. | -Kiến thức: HS có khái niệm về hình chóp, hình chóp đều, hình chóp cụt đều(đỉnh, cạnh bên, mặt đáy, trung đoạn, đường cao). - Kĩ năng: Biết gọi tên hình chóp theo đa giác đáy. Biết cách vẽ hình chóp tứ giác đều. - Thái độ: HS được rèn luyện tính cẩn thận, chính xác trong chứng minh toán. | 1 | Dạy học trên lớp |  |  |
|  | 33 | 62 | §8. Diện tích xung quanh của hình chốp đều. | -Kiến thức: HS nắm được cách tính diện tích xung quanh của hình chóp đều. Biết áp dụng công thức tính toán đối với các hình cụ thể(chủ yếu là hình chóp tứ giác , hình chóp tam giác đều) - Kĩ năng: Củng cố các khái niệm cơ bản của hình học cơ bản ở các tiết trước. Tiếp tục rèn luyện kỹ năng cắt gấp hình. - Thái độ: HS được rèn luyện tính cẩn thận, chính xác trong chứng minh toán | 1 | Dạy học trên lớp |  |  |
|  | 33 | 63 | §9. Thể tích hình chóp đều. | -Kiến thức: HS nắm được cách tính thể tích hình chóp đều. Biết áp dụng công thức tính toán đối với các hình cụ thể (chủ yếu là hình chóp tứ giác , hình chóp tam giác đều) - Kĩ năng: Củng cố các khái niệm cơ bản của hình học cơ bản ở các tiết trước. - Thái độ: HS được rèn luyện tính cẩn thận, chính xác trong chứng minh toán | 1 | Dạy học trên lớp |  |  |
|  | 33 | 64 | Ôn tập chương IV | -Kiến thức: Hệ thống hoá các kiến thức của chương IV. - Kĩ năng: Vận dụng các kiến thức đã học vào bài tập dạng tính toán, chứng minh. - Thái độ: Rèn luyện tư duy cho HS. | 1 | Dạy học trên lớp |  |  |
|  | 34 | 65 | Ôn tập học kỳ II | -Kiến thức: Củng cố các kiến thức đã học ở học kỳ II - Kĩ năng: Rèn kỹ năng chứng minh, nhận biết hình, tính diện tích của các hình đã học - Thái độ: Rèn tư duy suy luận cho HS | 1 | Dạy học trên lớp |  |  |
|  | 34 | 66 | Ôn tập chương IV | -Kiến thức: Hệ thống hoá các kiến thức của chương IV. - Kĩ năng: Vận dụng các kiến thức đã học vào bài tập dạng tính toán, chứng minh. - Thái độ: Rèn luyện tư duy cho HS. | 1 | Dạy học trên lớp |  |  |
|  | 34 | 67 | Ôn tập học kỳ II | -Kiến thức: Tiếp tục củng cố các kiến thức đã học ở học kỳ II  - Kĩ năng: Rèn kỹ năng chứng minh, nhận biết hình, tính diện tích của các hình đã học- Thái độ:  -Rèn tư duy suy luận cho HS | 1 | Dạy học trên lớp |  |  |
|  | 35 | 68 - 69 | Thi học kỳ II: 90 phút (gồm cả Đại số và Hình học) |  | 1 | Kiểm tra trên lớp |  |  |
|  | 35 | 70 | Trả, sửa bài thi học kỳ. |  | 1 | Trả bài trên lớp |  |  |

**DUYỆT CỦA BGH Tổ trưởng**

**Trịnh Thị Lan**